

Số: /TB-ĐHCNKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc Thông tin tuyển sinh trình độ đại học
hình thức đào tạo thường xuyên theo phương thức từ xa năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: UTE

3. Địa chỉ các trụ sở:

- Cơ sở chính: Số 01 Võ Văn Ngân, Phường Thủ Đức, TP.HCM
- Cơ sở 2: Số 484 Lê Văn Việt, Phường Tăng Nhơn Phú, TP.HCM
- Phân hiệu tại Bình Phước: Số 899 Quốc lộ 14, Phường Bình Phước, TP. Đồng Nai

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://daotaotuxa.hcmute.edu.vn/>

5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh, thông tin tuyển sinh:

<https://daotaotuxa.hcmute.edu.vn/TopicId/57d58c06-d57f-48ef-bb41-55bbeaea1c3c/ke-hoach-dao-tao>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0708653327 (Hotline), 091.20.888.30 (T.Phong), 0912.480.947 (T.Hung), 0889.700.239 (T.Triết).

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:

Địa chỉ công khai thông tin về hoạt động của nhà trường:

- Thông tin chương trình đào tạo; kế hoạch tuyển sinh, phương thức, ngành,...:

<https://daotaotuxa.hcmute.edu.vn>

- Các thông tin khác (đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm): <https://hcmute.edu.vn/>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Đối tượng dự tuyển: Người đã tốt nghiệp cao đẳng, đại học.

- Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển:

+ Người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng, đại học ngành phù hợp; và đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định;

+ Người tốt nghiệp cao đẳng, đại học có thể học liên thông các chương trình đào tạo trình độ đại học theo hướng chuyên môn phù hợp nếu đáp ứng được các điều kiện của chương trình đào tạo theo quy định của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo kết quả học tập của trình độ đào tạo đã tốt nghiệp (bảng điểm tốt nghiệp cao đẳng/đại học) – Mã phương thức: 500 (phương thức khác theo quy định của Bộ GD&ĐT).

3. Quy tắc quy đổi độ lệch ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh:

- Ngưỡng đầu vào: Điểm trung bình tốt nghiệp Cao đẳng/Đại học từ 5.0 trở lên theo thang điểm 10 hoặc 2.0 trở lên theo thang điểm 4, đảm bảo điều kiện đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

- Điểm trúng tuyển: Do Hội đồng tuyển sinh Quyết định và công bố trong Quyết định điểm chuẩn trúng tuyển.

4. Số lượng tuyển sinh

TT	Mã phương thức xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh
1	500	Kế toán	7340301	Kế toán	60	Xét tuyển theo bảng điểm Cao đẳng
2	500	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	100	
3	500	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	30	
4	500	Công nghệ chế tạo máy	7510202	Công nghệ chế tạo máy	90	

5	500	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	60	
6	500	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	50	
7	500	Kỹ nghệ gỗ và nội thất	7549002	Kỹ nghệ gỗ và nội thất	30	
8	500	Kỹ thuật công nghiệp	7520117	Kỹ thuật công nghiệp	28	
9	500	Công nghệ may	7540209	Công nghệ may	20	
10	500	Quản lý xây dựng	7580302	Quản lý xây dựng	30	
11	500	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	Xét tuyển theo bảng điểm Cao đẳng/Đại học
12	500	Quản lý công nghiệp	7510601	Quản lý công nghiệp	30	Xét tuyển theo bảng điểm Đại học
13	500	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	150	

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: không

b. Điểm cộng: không

c. Tiêu chí phân bổ ngành, chương trình đào tạo: không

d. Các thông tin khác:

- Thời gian đào tạo (Theo quyết định trong chương trình đào tạo, sinh viên phải hoàn thành chuẩn đầu ra theo quy định): 2.5 năm – 3 năm, cụ thể như sau:

+ Chương trình đại học Từ xa liên thông từ Cao đẳng : 2,5 năm.

+ Chương trình đại học Từ xa liên thông đối với người đã có bằng đại học: 3,0 năm, đối với chương trình đào tạo từ xa Ngôn ngữ Anh: 2,5 năm.

- Học phí thực hiện thu theo niên chế, với các đối tượng như sau:

Mức học phí: đồng/học kỳ

STT	Chương trình đào tạo	Mã xét tuyển	Học phí/Học kỳ
Các chương trình đào tạo trình độ đại học ĐTTX đối người đã có bằng đại học (Liên thông ĐH-ĐH)			
1.	Quản lý công nghiệp	26TXLD24	12.000.000
2.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	26TXLD42	14.000.000
3.	Ngôn ngữ Anh	26TXLD31	12.000.000
Các chương trình đào tạo đại học ĐTTX đối với người đã tốt nghiệp cao đẳng (Liên thông CĐ-ĐH)			
4.	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	26TXLC42	14.000.000
5.	Công nghệ chế tạo máy	26TXLC43	14.000.000
6.	Kỹ thuật công nghiệp	26TXLC04	14.000.000
7.	Kỹ nghệ gỗ và nội thất	26TXLC38	13.000.000
8.	Công nghệ Kỹ thuật công trình xây dựng	26TXLC49	14.000.000
9.	Quản lý xây dựng	26TXLC55	14.000.000
10.	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	26TXLC45	14.000.000
11.	Công nghệ Kỹ thuật nhiệt	26TXLC47	14.000.000
12.	Công nghệ thông tin	26TXLC10	14.000.000
13.	Công nghệ may	26TXLC09	13.000.000
14.	Kế toán	26TXLC25	13.000.000

- Học phí học lại theo quy định của Trường.

- Hình thức đào tạo:

+ Việc tổ chức ĐTTX được thực hiện theo tín chỉ;

+ Lớp học được tổ chức trực tuyến vào buổi tối (từ 18h00 đến 21h00) các ngày trong tuần. Đối với môn thí nghiệm, thực hành, học trực tiếp cả ngày chủ nhật tại Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP. HCM hoặc cơ sở phối hợp đào tạo.

6. Tổ chức tuyển sinh

- Thời gian:

Đợt xét tuyển	Nhận hồ sơ	Thời gian dự kiến nhận kết quả xét tuyển
Đợt 1	Tháng 3/2026	Tháng 4/2026
Đợt 2	Tháng 6/2026	Tháng 7/2026
Đợt 3	Tháng 10/2026	Tháng 11/2026

- Hình thức nhận hồ sơ dự tuyển: Nộp trực tiếp tại Trung tâm Học liệu và Dạy học số hoặc cơ sở phối hợp đào tạo hoặc chuyển phát nhanh hồ sơ đến Trung tâm Học liệu và Dạy học số - Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP. HCM. Hồ sơ đăng ký dự tuyển gồm:

- + 01 Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu);
- + 01 Bản sao Thẻ căn cước hoặc ảnh chụp căn cước điện tử in từ VNEID;
- + 01 Bản sao bằng tốt nghiệp Cao đẳng/Đại học hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời còn trong thời hạn quy định;
- + 01 Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp (trong vòng 12 tháng);
- + 01 Bản sao bảng điểm Cao đẳng/Đại học;
- + 01 Bản sao bằng tốt nghiệp THPT.

* Lưu ý: Đối với thí sinh đã tốt nghiệp Cao đẳng hệ liên thông phải bổ sung thêm bảng điểm và bằng tốt nghiệp Trung cấp; Đối với thí sinh đã tốt nghiệp Đại học hệ liên thông phải bổ sung thêm bảng điểm và bằng tốt nghiệp Cao đẳng.

- Điều kiện xét tuyển: Thỏa mãn điều kiện đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường.

7. Chính sách ưu tiên

- Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển: Không áp dụng

8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh: 300.000 đồng/hồ sơ

9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh: Nhằm đảm bảo quyền lợi của thí sinh và thực hiện đúng trách nhiệm trong công tác tuyển sinh, nhà trường cam kết thực hiện các quy định sau:

- **Giải quyết khiếu nại của thí sinh:** Trường có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của thí sinh liên quan đến công tác tuyển sinh theo quy trình sau:

+ Tiếp nhận khiếu nại:

(i) Thí sinh có quyền gửi khiếu nại bằng văn bản gửi trực tiếp đến Trung tâm Học liệu và Dạy học số hoặc gửi qua email daotaotuxa@hcmute.edu.vn.

(ii) Khiếu nại phải có đầy đủ thông tin: họ tên, căn cước công dân, ngành/CTĐT dự tuyển, nội dung khiếu nại, tài liệu chứng minh (nếu có).

(iii) Thời hạn gửi khiếu nại: không quá 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả tuyển sinh.

+ Xử lý và phản hồi khiếu nại:

(i) Hội đồng tuyển sinh hệ ĐTTX thành lập bộ phận tiếp nhận và giải quyết khiếu nại.

(ii) Thời gian xử lý: không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được khiếu nại hợp lệ.

(iii) Kết quả giải quyết khiếu nại sẽ được thông báo bằng văn bản hoặc qua email.

+ Nguyên tắc giải quyết khiếu nại:

(i) Công khai, minh bạch, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của thí sinh.

(ii) Xem xét khách quan, xử lý nhanh chóng, đúng quy định của pháp luật và quy chế tuyển sinh.

(iii) Trường hợp khiếu nại không được giải quyết thỏa đáng, thí sinh có quyền gửi đơn lên cơ quan có thẩm quyền.

- **Bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro:** Nhà trường cam kết hỗ trợ thí sinh trong các trường hợp rủi ro ngoài ý muốn, cụ thể:

+ Trường hợp có sai sót trong kết quả tuyển sinh: Nếu có sai sót do lỗi kỹ thuật hoặc nhập liệu, Hội đồng tuyển sinh sẽ rà soát và điều chỉnh kịp thời, đảm bảo quyền lợi của thí sinh.

+ Trường hợp không đủ số lượng mở lớp: Nhà trường sẽ hoàn trả học phí nhập học hoặc hỗ trợ chuyển đổi sang ngành học khác phù hợp hoặc hệ đào tạo vừa làm vừa học (nếu cùng điều kiện trúng tuyển) hoặc bảo lưu sang đợt xét tuyển kế tiếp.

10. Các nội dung khác: Thí sinh xem trong thông báo tuyển sinh.

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất: Phụ lục đính kèm

12. Cán bộ tuyển sinh

ThS. Nguyễn Minh Triết, SĐT: 0889700239, email: trietnm@hcmute.edu.vn

PGS.TS Nguyễn Thanh Hưng, SĐT: 0912.480.947, email: nthung@hcmute.edu.vn

ThS. Nguyễn Thanh Phong, SĐT: 0912088830, email: phongnt@hcmute.edu.vn

Thông báo này thay thế cho Thông tin tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa năm 2026 của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh ban hành theo Quyết định số 1118/QĐ-ĐHCNKT ngày 18/03/2026 của Hiệu trưởng.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- HĐTS ĐTTX 2026;
- Đăng website ĐTTX;
- Lưu: VT, VBĐT, HLDHS.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Hiếu Giang

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ TUYỂN SINH CỦA NĂM 2024 VÀ NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM)

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
1.	7510301TXLD	Công nghệ kỹ thuật Điện-Điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật Điện-Điện tử	Xét tuyển bằng bảng điểm tốt nghiệp đại học	60	31	5.30/10 2.05/4.0	60	38	5.4/10 2.0/4.0
2.	7510601TXLD	Quản lý công nghiệp	7510601	Quản lý công nghiệp		30	7	5.30/10 2.05/4.0	100	13	5.4/10 2.0/4.0
3.	7510301TXLT	Công nghệ kỹ thuật Điện-Điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật Điện-Điện tử	Xét tuyển bằng bảng điểm tốt nghiệp trung cấp	Không tuyển sinh	Không tuyển sinh	Không tuyển sinh	50	28	5.4/10 2.0/4.0
4	7510202TXLT	Công nghệ chế tạo máy	7510202	Công nghệ chế tạo máy		Không tuyển sinh	Không tuyển sinh	Không tuyển sinh	50	9	5.4/10 2.0/4.0

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
5	7510301TXLC	Công nghệ kỹ thuật Điện-Điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật Điện-Điện tử	Xét tuyển bằng bảng điểm tốt nghiệp cao đẳng	200	171	5.30/10 2.05/4.0	150	228	5.4/10 2.0/4.0
6	7340301TXLC	Kế toán	7340301	Kế toán		60	42	5.30/10 2.05/4.0	50	29	5.4/10 2.0/4.0
7	7510202TXLC	Công nghệ chế tạo máy	7510202	Công nghệ chế tạo máy		100	73	5.30/10 2.05/4.0	100	121	5.4/10 2.0/4.0
8	7510205TXLC	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô		100	52	5.30/10 2.05/4.0	120	99	5.4/10 2.0/4.0
9	7480201TXLC	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin		100	78	5.30/10 2.05/4.0	100	68	5.4/10 2.0/4.0
10	7510102TXLC	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng		50	16	5.30/10 2.05/4.0	-	-	-
11	7510206TXLC	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt		60	35	5.30/10 2.05/4.0	-	-	-
12	7520117TXLC	Kỹ thuật công nghiệp	7520117	Kỹ thuật công nghiệp		25	47	5.30/10 2.05/4.0	-	-	-

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
13	7540209TXLC	Công nghệ may	7540209	Công nghệ may		20	29	5.30/10 2.05/4.0	-	-	-